

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/DS-ST

Ngày: 22/3/2023

Vv: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Quỳnh;

2. Bà Võ Thị Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh:
Bà Võ Thị Ngọc Châu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22/3/2023 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7 mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 339/2022/TLST-DS ngày 18/11/2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2023/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2023/QĐHPT-DS ngày 24 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty T1 (nay là Công ty T2); địa chỉ: Tầng B Tòa nhà R, số I đường Đ, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Đoàn Anh T sinh năm 1994; địa chỉ: Tầng B Tòa nhà R, số I đường Đ, Phường A, Quận D, Tp . (Văn bản ủy quyền ngày 22/9/2022). (Vắng mặt-có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Bà Võ Thị Kiều M sinh năm 1981; địa chỉ: 9 T, Tổ A, Khu phố C, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; Các bản tự khai; Biên bản không tiến hành hòa giải được cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Ngày 28/12/2017, bà Võ Thị Kiều M có ký Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số hiệu hồ sơ: N_o 0573719 (còn gọi là hợp đồng tín dụng số 20180102-0001601) với Công ty T1 (nay là Công ty T2) vay số tiền 21.100.000 đồng (Hai mươi một triệu, một trăm ngàn đồng chẵn) với lãi suất thoả thuận 5.00%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thoả thuận trong hợp

đồng, bà Võ Thị Kiều M có trách nhiệm thanh toán số tiền 46.469.185 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong vòng 36 tháng; 35 tháng đầu, mỗi tháng trả 1.275.167 đồng, tháng cuối cùng trả 1.838.340 đồng. Bắt đầu từ ngày 05/02/2018.

Thực hiện hợp đồng, khách hàng đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và thanh toán cho Công ty T2 tổng số tiền 30.896.000 đồng. Kể từ ngày 08/01/2020 đến nay, bà Võ Thị Kiều M không thanh toán thêm bất cứ khoản nào dù Công ty đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở.

Do khách hàng trễ hạn thanh toán nên Công ty T1 (nay là Công ty T2) khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Võ Thị Kiều M thanh lý hợp đồng trả một lần cho công ty T3 số tiền nợ bao gồm các khoản sau: Nợ gốc : 11.615.721 đồng, nợ lãi : 3.957.464 đồng. Tổng số tiền Công ty khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Võ Thị Kiều M phải thanh toán là: 15.573.185 đồng (Mười lăm triệu, năm trăm bảy mươi ba ngàn, một trăm tám mươi lăm đồng chẵn).

Bị đơn bà Võ Thị Kiều M vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Tòa án đã tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định pháp luật nhưng bị đơn không đến, không có văn bản trình bày ý kiến.

Ý kiến của Viện kiểm sát Nhân dân Quận 7:

1. Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý quy định tại các điều từ Điều 26 đến Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án được giải quyết đúng thời hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 86 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn mặc dù đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến phiên tòa hôm nay bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Như vậy, bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng năm 2015.

3. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn - Công ty T1 (nay là Công ty T2) khởi kiện yêu cầu bị đơn - bà Võ Thị Kiều M phải trả số tiền còn nợ theo Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng, thì đây là tranh chấp về “Hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn bà Võ Thị Kiều M cư trú tại địa chỉ: 9 T, Tổ A, Khu phố C, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về hình thức

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn bà Võ Thị Kiều M các văn bản tố tụng của Tòa án tuy nhiên bị đơn vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Công ty T1 (nay là Công ty T2) đối với bị đơn bà Võ Thị Kiều M:

Xét, Căn cứ Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 28/12/2017, Công ty T1 (nay là Công ty T2) đã cho bà Võ Thị Kiều M vay với số tiền là 21.100.000 đồng (Hai mươi một triệu một trăm ngàn đồng), với lãi suất thỏa thuận 5%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, bà Võ Thị Kiều M có trách nhiệm thanh toán số tiền 46.469.185 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong vòng 36 tháng; 35 tháng đầu, mỗi tháng trả 1.275.167, tháng cuối cùng 1.838.340 đồng. Bắt đầu từ ngày 05/02/2018.

Bị đơn bà Võ Thị Kiều M đã được nguyên đơn - Công ty T1 (nay là Công ty T2) giải ngân và nhận đủ số tiền 21.100.000 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn là Võ Thị Kiều M đã thanh toán cho Công ty T1 (nay là Công ty T2) số tiền là 30.896.000 đồng.

Tuy nhiên kể từ ngày 08/01/2020 bị đơn bà Võ Thị Kiều M đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nợ gốc và lãi nên ngày 08/01/2020 nguyên đơn Công ty T1 (nay là Công ty T2) đã chuyển khoản vay của bị đơn bà Võ Thị Kiều M qua nợ quá hạn.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 22/3/2023, nguyên đơn Công ty T1 (nay là Công ty T2) yêu cầu bị đơn bà Võ Thị Kiều M phải thanh toán tổng cộng số tiền là: 15.573.185 đồng (Mười lăm triệu năm trăm bảy mươi ba ngàn một trăm tám mươi lăm đồng), trong đó số tiền nợ gốc là: 11.615.721 đồng (Mười một triệu sáu trăm mười lăm ngàn bảy trăm hai mươi một đồng) và số tiền nợ lãi là: 3.957.464 đồng (Ba triệu chín trăm năm mươi bảy ngàn bốn trăm sáu mươi bốn đồng).

Xét, theo quy định của pháp luật:

+ Căn cứ khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự 2005 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay *“bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”*.

+ Căn cứ Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: *Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.*

Xét, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn bà Võ Thị Kiều M. Tuy nhiên bị đơn bà Võ Thị Kiều M không đến tòa trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho tòa nên căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn bà Võ Thị Kiều M đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình, nên phải chịu hậu quả theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận các tài liệu chứng cứ, lời khai của nguyên đơn để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án.

Do đó, yêu cầu của nguyên đơn Công ty T1 (nay là Công ty T2) buộc bị đơn bà Võ Thị Kiều M phải thanh toán tổng số tiền là: 15.573.185 đồng (Mười lăm triệu năm trăm bảy mươi ba ngàn một trăm tám mươi lăm đồng), trong đó số tiền nợ gốc là: 11.615.721 đồng (Mười một triệu sáu trăm mười lăm ngàn bảy trăm hai mươi một đồng) và số tiền nợ lãi là: 3.957.464 đồng (Ba triệu chín trăm năm mươi bảy ngàn bốn trăm sáu mươi bốn đồng) là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về thời hạn trả nợ:

Nguyên đơn Công ty T1 (nay là Công ty T2) yêu cầu bị đơn bà Võ Thị Kiều M phải trả số tiền nợ gốc và nợ lãi ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Xét, bị đơn bà Võ Thị Kiều M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong thời gian dài, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn, nên với yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[4.] Về án phí:

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Áp dụng các Điều 91, khoản 2 Điều 95, điểm d khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng Luật Phí, lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014,

Xử:

[1] Về hình thức: Xử vắng mặt nguyên đơn - Công ty T1 (nay là Công ty T2), bị đơn bà Võ Thị Kiều M.

[2] Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T1 (nay là Công ty T2).

Buộc bà Võ Thị Kiều M phải có trách nhiệm trả cho Công ty T1 (nay là Công ty T2) số tiền tổng cộng tính đến ngày 22/3/2023 là: 15.573.185 đồng (Mười lăm triệu năm trăm bảy mươi ba ngàn một trăm tám mươi lăm đồng), trong đó số tiền nợ gốc là: 11.615.721 đồng (Mười một triệu sáu trăm mười lăm ngàn bảy trăm hai mươi một đồng) và số tiền nợ lãi là: 3.957.464 đồng (Ba triệu chín trăm năm mươi bảy ngàn bốn trăm sáu mươi bốn đồng).

Trả ngay 01 lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Võ Thị Kiều M phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 778.659 đồng (Bảy trăm bảy mươi tám ngàn sáu trăm năm mươi chín đồng).

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho Công ty T1 (nay là Công ty T2) là 389.330 đồng (Ba trăm tám mươi chín ngàn ba trăm ba mươi đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0015096 ngày 18/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Công ty T1 (nay là Công ty T2) và bị đơn bà Võ Thị Kiều M được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 1, 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKS ND Q.7;
- Chi cục THADS Q.7;
- Đường sự;
- Lưu, hồ sơ (Tk. Thanh).

Trần Thị Xuân Duyên